

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HS-ST
Ngày 11-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Tân; Bà Vũ Thị Ngân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu Đ; sinh ngày: 10/8/1976; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao Đng tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Hữu C(đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1949; Họ và tên vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983; Có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1995 tham gia nghĩa vụ quân sự đến năm 1997 xuất ngũ về địa phương lao Đng tự do; Bị tạm giữ từ ngày 22/02/2021 đến 24/02/2021 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Hoàng Xuân T; sinh ngày: 06/3/1985; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao Đng tự do; Họ và tên cha: Hoàng Bá B, sinh năm 1950; Họ và tên mẹ: Vũ Thị L, sinh năm 1954; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2004 tham gia nghĩa vụ quân sự đến năm 2006 xuất ngũ về địa phương lao Đng tự do; Bị tạm giữ từ ngày 21/02/2021 đến 24/02/2021 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Nguyễn Văn Nh; sinh ngày: 03/02/1982; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn L1, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao Đng tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1958; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L2, sinh năm 1959; Chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 54/2018/HSST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; tháng 9/2018 thi hành xong hình phạt bổ sung và án phí; Bị tạm giữ từ ngày 21/02/2021 đến 24/02/2021 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Nguyễn Văn T1; sinh ngày: 10/10/1979; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao Đng tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1962; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1960; Họ và tên vợ: Đặng Thị Th1, sinh năm 1982; Có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2000 tham gia nghĩa vụ quân sự đến năm 2002 xuất ngũ về địa phương lao Đng tự do. Quyết định số 48/QĐ/XPVPHC ngày 30/8/2012 của Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bản án số 30/2015/HSST ngày 25/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “*Đánh bạc*”; Bị tạm giữ từ ngày 21/02/2021 đến 24/02/2021 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Nguyễn Văn V1; sinh ngày: 10/11/1975; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Lao Đng tự do; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Q1 (đã chết); Họ và tên mẹ: Phạm Thị M, sinh năm 1948; Họ và tên vợ: Hoàng Thị S, sinh năm 1976; Có 03 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 21/02/2021 đến 24/02/2021 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Phạm Văn C1; sinh ngày: 15/7/1981; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao Đng tự do; Họ và tên cha: Phạm Anh Th2, sinh năm 1947, ngày 10/10/2001 ông Th2 được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba; ngày 27/11/1995 được Bộ công nghiệp tặng Huy chương vì sự nghiệp địa chất Việt Nam; Họ và tên mẹ: Trần Thị S1, sinh năm 1952, ngày 29/10/1996 bà S1 được Bộ Giáo dục và đào tạo tặng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục; Họ và tên vợ: Trần Thị T2, sinh năm 1982; Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 21/02/2021 đến 24/02/2021 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Phạm Mạnh C2; sinh ngày: 05/10/1977; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình Đ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao Đng tự do; Họ và tên cha: Phạm Văn H3, sinh năm 1954; Họ và tên mẹ: Đoàn Thị Th3, sinh năm 1954; Họ và tên vợ: Nguyễn Thị Nh1, sinh năm 1982; Có 03 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Từ năm 1996 tham gia nghĩa vụ quân sự đến năm 1998 xuất ngũ về địa phương lao Đng tự do; Bị tạm giữ từ ngày 21/02/2021 đến 24/02/2021 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị Đ2, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, vắng mặt bà Đ2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/02/2021, tại gian bếp nhà bà Vũ Thị Đ2, tổ công tác Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang các bị cáo Hoàng Xuân T, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn V1, Phạm Văn C1 và Phạm Mạnh C2 đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng”, thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng và số tiền 6.970.000 đồng; quản lý trên người các bị cáo số tiền 4.850.000 đồng, trong đó của T 1.500.000 đồng, V1 2.650.000 đồng, T1 480.000 đồng, C2 220.000 đồng, là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Ngoài ra, Cơ quan Công an còn quản lý của Nh 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 đã cũ lắp sim số 0982.410.411.

Ngày 22/02/2021, bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận là người đã chủ Đng khởi xướng và trực tiếp đánh bạc cùng với T, Nh, Văn C1 trong khoảng 20 phút rồi ra về trước, đồng thời tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 500.000 đồng là tiền đánh bạc Đ mang theo trên người khi ra về, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J4, lắp sim số 0362.451.408 Đ dùng để liên lạc và rủ Nh đến đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Đ, T, Nh, T1, V1, Văn C1 và C2 đều trú tại xã H, huyện Q là những người quen biết nhau. Khoảng 11 giờ ngày 21/02/2021, Đ và T đến nhà anh Phạm Văn Th4, sinh năm 1983, ở thôn V, xã H chơi nhưng anh Th4 không có nhà, cổng không khóa nên cả hai ngồi chơi uống nước tại bàn trong sân nhà anh Th4. Trong khi ngồi chơi uống nước, Đ nảy sinh ý định rủ mọi người đánh bạc nên dùng điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J4, của Đ gọi vào số điện thoại 0982.410.411 của Nh nói: “*Có làm tý thì xuống nhà Thuận uống nước, rồi bố trí*”. Nh hiểu ý Đ rủ đánh bạc nên đi bộ đến nhà Th4. Khi gặp nhau, Đ, T và Nh ngồi uống nước nói chuyện khoảng 10 phút thì Nguyễn Văn C1 đi bộ đến. Lúc này, Đ bảo T: “*Đi kiếm bộ bài về anh em mình đánh liêng*”. T đồng ý đi bộ ra quán tạp hóa của anh Nguyễn Đức Tr, ở thôn Đồng N mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân mang về nhà anh Th4. Lúc này khoảng 11 giờ 10 phút, Đ nói với

mọi người: “Đi sang nhà bà Đ2 chơi” thì tất cả đồng ý cùng Đ sang nhà bà Đ2, ở sát cạnh nhà anh Th4, đi vào gian bếp, ngồi xuống chiếc chiếu cói đã trải sẵn theo vị trí tính từ người ngồi gần cửa ra vào nhất và theo chiều quay của kim đồng hồ lần lượt là Đ, T, Nh, Văn C1 rồi bỏ tiền xuống chiếu để đánh bạc, thống nhất đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng, tiền góp gà là 20.000 đồng/1 người/1 ván, tiền tố cao nhất không quá 100.000 đồng. Luật chơi “Liêng” quy định như sau: Trước khi chia bài, tất cả những người chơi sẽ bỏ ra 20.000 đồng, gọi là tiền “Gà”. Mỗi người chơi sẽ được chia 03 lá bài, số bài còn lại bỏ xuống chiếu. Sau đó người chơi bắt đầu đặt cược, hay còn gọi là “Tố”. Ván đầu tiên người chia bài được quyền “Tố” trước, từ ván thứ hai trở đi, người nào thắng ở ván bài trước đó được quyền “Tố” trước. Người “Tố” trước có quyền đặt cược một khoản tiền nhất định nhưng tối thiểu phải bằng hoặc nhiều hơn số tiền “Gà” (20.000 đồng) và tối đa là 100.000 đồng. Lần lượt theo ngược chiều kim đồng hồ, người ngồi kế tiếp người vừa “Tố” nếu thấy bài của mình đẹp có thể “Theo”, tức là bỏ thêm một số tiền bằng với số tiền người ngồi trước mình vừa “Tố” hoặc có thể “Tố” thêm một khoản tiền nhất định. Trường hợp người chơi thấy bài của mình xấu, nếu chơi tiếp khả năng bị thua thì có thể úp bài, bỏ không theo ván bài đó nữa. Trong trường hợp này người chơi sẽ bị mất toàn bộ số tiền đã đặt cược. Sau khi tất cả người chơi đặt tiền cược, người nào có ba lá bài mang giá trị cao nhất sẽ là người thắng cuộc. Cách tính điểm lần lượt từ cao nhất xuống thấp nhất như sau: “Sáp” là ba lá bài giống nhau nhưng khác chất, “Sáp” to nhất là AAA, thấp nhất là 222. “Liêng” là ba lá bài liên tiếp nhau, “Liêng” to nhất là QKA và thấp nhất là A23. Khi có nhiều hơn một “Liêng” thì so sánh đến chất quân bài to nhất của người chơi để tính thắng thua, cao nhất là quân bài có chất Rô, sau đó đến Cơ, Tép, Bích. Trường hợp bài không có “Sáp”, “Liêng” thì tính thắng thua bằng cách lấy điểm của ba quân bài được chia cộng lại, điểm sắp xếp từ cao nhất là 9 điểm, thấp nhất là 0 điểm. Các quân 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được tính điểm với số tương ứng; quân Át được tính 1 điểm; các quân 10, J, Q, K đều được tính 0 điểm. Đ, T, Nh và Văn C1 đánh bạc được khoảng 20 phút thì Đ không đánh bạc nữa mà đi về trước. T, Nh, Văn C1 tiếp tục đánh bạc với nhau được khoảng 10 phút thì C2 đến và tham gia đánh bạc với cách thức và mức Đ sát phạt không thay đổi. Khoảng 05 phút sau, T1 và V1 đến và tham gia đánh bạc. Lúc này, vị trí ngồi tính từ người ngồi gần cửa ra vào nhất và theo chiều quay của kim đồng hồ lần lượt là V1, T, Nh, Văn C1, T1, C2. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi T, Nh, T1, V1, Văn C1, C2 đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng” thì bị Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc là 12.320.000 đồng trong đó Đ khai số tiền đánh bạc khoảng 1.500.000 đồng; T khai số tiền đánh bạc khoảng 2.500.000 đồng; T1 khai số tiền đánh bạc khoảng 1.500.000 đồng; V1 khai số tiền đánh bạc khoảng 3.150.000 đồng; C2 khai số tiền đánh bạc khoảng 320.000 đồng; Nh khai số tiền đánh bạc khoảng 2.000.000 đồng; Phạm Văn C1 khai số tiền đánh bạc khoảng 1.250.000 đồng. Ngoài bị cáo Đ, các bị cáo còn lại đều khai không xác định được cụ thể số tiền thắng, thua khi đánh bạc. Các bị cáo đều thừa nhận số tiền cơ quan Công an thu giữ tại chiếu bạc và thu trên người các bị cáo đều là tiền dùng để đánh bạc.

Tại Bản cáo trạng số 50/CT-VKSQP ngày 27/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã truy tố các bị cáo về tội: “*Đánh bạc*”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “*Đánh bạc*”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Nh; áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo Đ, T, V1, Văn C1 và C2; áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ, T, T1, Văn C1 và C2; áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nh và T1; áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đ, V1 và T; áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Văn C1 và C2. Đề nghị xử phạt bị cáo Nh và bị cáo T1 mỗi bị cáo mức án từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ. Xử phạt bị cáo Đ từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Xử phạt bị cáo V1 và bị cáo T mỗi bị cáo mức án từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo Văn C1 từ 21 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Xử phạt bị cáo C2 từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo Đ, V1, T, Văn C1 và C2 cho Ủy ban nhân dân xã H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và thời gian cải tạo không giam giữ; không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Văn C1, C2 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu số tiền 12.320.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc cối cũ; tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J4, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, các bị cáo có lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương nơi cư trú để có điều kiện chăm sóc con cái, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và còn được chứng minh bằng các tài liệu: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tiếp nhận người phạm tội quả tang ra đầu thú, biên bản quản lý tang vật, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ. Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 10 phút đến 13 giờ 30 phút ngày 21/02/2021, tại nhà ở của bà Vũ Thị Đ2, sinh năm 1947, tại Thôn V, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Xuân T, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn V1, Phạm Văn C1 và Phạm Mạnh C2 đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng”, bị Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền đánh bạc là 12.320.000 đồng (*Mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*). Trong đó, bị cáo Đ là người khởi xướng, bị cáo T là người chuẩn bị công cụ đánh bạc, cùng các bị cáo Nh, T1, V1, Văn C1, Mạnh C2 trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Điều 321. Tội đánh bạc

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Xét tính chất, mức Đ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý của nhà nước về trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân nơi địa bàn xảy ra vụ án. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi các bị cáo coi thường pháp luật, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức Đ cũng như vai trò của từng bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có việc câu kết chặt chẽ,

không phân công, phân nhiệm, không có ai đứng ra nhận cầm cố tài sản, không canh coi, canh giới. Hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, trong đó xác định: Bị cáo Đ giữ vai trò cao nhất trong vụ án, là người khởi xướng việc phạm tội, dùng điện thoại gọi Nh đến đánh bạc, nhưng thời gian tham gia đánh bạc ngắn, chủ động chấm dứt việc đánh bạc và về trước, sau khi vụ án bị phát hiện bị cáo Đ đã tự nguyện đến Cơ quan Công an đầu thú giao nộp vật chứng. Đối với bị cáo Nh và bị cáo T1 tham gia đánh bạc, trong đó bị cáo Nh có một tiền án về tội đánh bạc, bị cáo T1 có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt tù và xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Vì vậy cần xếp mức án bị cáo Nh và T1 ngang nhau và cao nhất, mức án bị cáo Đ xếp thứ hai trong vụ án.

Bị cáo T tham gia đánh bạc ngay từ đầu, là người chuẩn bị công cụ phạm tội để các bị cáo đánh bạc. Bị cáo V1 tham gia đánh bạc sau nhưng số tiền đánh bạc nhiều hơn T và cao nhất trong vụ án, vì vậy cần xếp vai trò và mức án đối với bị cáo T và V1 ngang nhau và đứng thứ ba trong vụ án.

Đối với bị cáo Phạm Văn C1 tham gia đánh bạc từ đầu, nhưng số tiền đánh bạc thấp, bị cáo Phạm Mạnh C2 tham gia đánh bạc sau, số tiền đánh bạc thấp nhất trong vụ án, vì vậy vai trò và mức hình phạt đối với hai bị cáo này thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy: Các bị cáo thành khẩn khai báo; Các bị cáo Đ, T, V1, Mạnh C2, Văn C1 có nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Đ, T, T1, C2 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Văn C1 có bố và mẹ để được tặng thưởng huân, huy chương; bị cáo Đ sau khi phạm tội đã tự nguyện đầu thú. Vì vậy, cần áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đ, T, V1, Mạnh C2, Văn C1. Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ, T, T1, Mạnh C2, Văn C1. Các bị cáo Đ, T, T1, V1, Văn C1, C2 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nh phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt tù và xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Đây cũng là một trong những căn cứ quan trọng để Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình cũng như xem xét biện pháp chấp hành hình phạt phù hợp.

[6] Về quyết định hình phạt: Từ những phân tích nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo Nh và T1 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Đối với các bị cáo còn lại có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Đ, T, V1 và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phạm Văn C1, Phạm Mạnh C2 như mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và bảo đảm mục đích hình phạt nói chung.

-Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như mức đề nghị của

đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Đối với bị cáo Phạm Văn C1 và Phạm Mạnh C2 hiện là lao động chính trong gia đình, không có nghề nghiệp ổn định, vì vậy không áp dụng khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

[7] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã quản lý 01 bộ tú lơ khơ 52 lá bài, 01 chiếc cối cũ (*của bà Đ2*) và 02 xác sim điện thoại, đây là vật chứng của vụ án và hiện là vật không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 12.320.000 đồng mà các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc, cần tịch thu số tiền này nộp ngân sách Nhà nước. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J4 của Đ và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 của Nh đã dùng liên lạc để phạm tội, cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[8] Trong vụ án này bà Vũ Thị Đ2 là chủ nhà nơi các bị cáo đánh bạc, nhưng thời điểm đó bà Đ2 ngủ không biết việc các bị cáo đến và đánh bạc tại nhà nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà Đ2.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và bà Đ2 có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Xuân T, Nguyễn Văn V1, Phạm Văn C1 và Phạm Mạnh C2 phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án được trừ 03 ngày tạm giữ (*từ ngày 21/02/2021 đến 24/02/2021*). Phạt bổ sung bị cáo Nh 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án được trừ 03 ngày tạm giữ (*từ ngày 21/02/2021 đến 24/02/2021*). Phạt bổ sung bị cáo T1 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. (*bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2021 đến 25/02/2021*). Phạt bổ sung bị cáo Đ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 01(một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. *(Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2021 đến 24/02/2021)*. Phạt bổ sung bị cáo V1 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Hoàng Xuân T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 01(một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. *(Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2021 đến 24/02/2021)*. Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước

Giao các bị cáo Đ, V1 và T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

“Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự”.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C1 01 (một) năm 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ *(từ ngày 21/02/2021 đến 24/02/2021)* bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 08 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn C1 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Mạnh C2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ *(từ ngày 21/02/2021 đến 24/02/2021)* bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Mạnh C2 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Phạm Văn C1 và Phạm Mạnh C2 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Văn C1 và Phạm Mạnh C2.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc cối cũ và 02 xác xim điện thoại để tiêu hủy; Tịch thu số tiền 12.320.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J4 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 để hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng và số tiền trên có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 29/4/2021 hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ đang quản lý)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Xuân T, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn V1, Phạm Văn C1 và Phạm Mạnh C2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã H;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC